

Số: *1096* /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày *31* tháng *12* năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ về lĩnh vực Chính quyền địa phương**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

*Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát Thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát Thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính quyền địa phương.*

**QUYẾT ĐỊNH:**


**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ về lĩnh vực Chính quyền địa phương

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 2191/QĐ-BNV ngày 07/7/2017 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực chính quyền địa phương.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Chính quyền địa phương, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng;
- Các Đ/c Thứ trưởng;
- Cục kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- UBND, SNV các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Trung tâm thông tin (đăng tải website);
- Lưu: VT, CQĐP.

**BỘ TRƯỞNG**  
  
*[Chữ ký]*  
**Phạm Thị Thanh Trà**







CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, THAY THẾ  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA  
BỘ NỘI VỤ VỀ LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1096~~ <sup>1096</sup>/QĐ-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

**Phần I  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Nội dung sửa đổi, thay thế	Căn cứ pháp lý
<b>I. Thủ tục hành chính cấp trung ương</b>					
1	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh	Chính quyền địa phương	Bộ Nội vụ (Vụ Chính quyền địa phương)	- Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện TTHC. - Thời hạn giải quyết TTHC.	Nghị quyết số 27/2022/UBTVQ H15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
2	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp huyện	Chính quyền địa phương	Bộ Nội vụ (Vụ Chính quyền địa phương)	- Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện TTHC. - Thời hạn giải quyết TTHC.	Nghị quyết số 27/2022/UBTVQ H15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
<b>II. Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>					
1	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã	Chính quyền địa phương	Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện TTHC. - Thời hạn giải quyết TTHC.	Nghị quyết số 27/2022/UBTVQ H15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội







**Phần II**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**Mục 1**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG**

**I. THỦ TỤC PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) chỉ đạo cơ quan chuyên môn lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, thông qua.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Nội vụ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đến, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và chủ trì tổ chức thẩm định hồ sơ phân loại đơn vị hành chính, chủ trì khảo sát để phục vụ việc thẩm định. (Trường hợp cần thiết Bộ Nội vụ thành lập Hội đồng thẩm định chung về phân loại ĐVHC cấp tỉnh, cấp huyện).

- Bước 4: Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định.

- Bước 5: Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Bộ Nội vụ.

**2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Nội vụ hoặc qua đường bưu điện; gửi hồ sơ theo Văn bản điện tử về Bộ Nội vụ.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;
- Báo cáo thuyết minh đánh giá các tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính;
- Bảng thống kê số liệu tiêu chuẩn làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn;
- Bản đồ xác định vị trí đơn vị hành chính được phân loại;
- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận về tiêu chuẩn của yếu tố đặc thù.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đến, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và chủ trì tổ chức thẩm định hồ sơ phân loại đơn vị hành chính, chủ trì khảo sát để phục vụ việc thẩm định.







- Thời hạn Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định ban hành phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh là 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của Bộ Nội vụ.

#### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

#### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nội vụ (Vụ Chính quyền địa phương).

- Thẩm quyền ra quyết định phân loại đơn vị hành chính theo quy định: Thủ tướng Chính phủ.

#### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh.

#### **8. Lệ phí:**

Không có.

#### **9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

## **II. THỦ TỤC PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

### **1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện) chỉ đạo cơ quan chuyên môn lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, thông qua trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đối với đơn vị hành chính cấp huyện không tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp mình trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 2: Sở Nội vụ tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thiện hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Bộ Nội vụ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp huyện.

- Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đến, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và chủ trì tổ chức thẩm định hồ sơ phân loại đơn vị hành chính, chủ trì khảo sát để phục vụ việc thẩm định (Trường hợp cần thiết Bộ Nội vụ thành lập Hội đồng thẩm định chung về phân loại ĐVHC cấp tỉnh, cấp huyện).



- Bước 5: Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp huyện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định.

## **2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Nội vụ hoặc qua đường bưu điện; gửi hồ sơ qua Văn bản điện tử về Bộ Nội vụ.

## **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

### **3.1. Đối với đơn vị hành chính cấp huyện có tổ chức hội đồng nhân dân**

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện;
- Báo cáo thuyết minh đánh giá các tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính;
- Bảng thống kê số liệu tiêu chuẩn làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn;
- Bản đồ xác định vị trí đơn vị hành chính được phân loại;
- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận về tiêu chuẩn của yếu tố đặc thù.

### **3.2. Đối với đơn vị hành chính cấp huyện không tổ chức Hội đồng nhân dân**

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Báo cáo thuyết minh đánh giá các tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính;
- Bảng thống kê số liệu tiêu chuẩn làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn;
- Bản đồ xác định vị trí đơn vị hành chính được phân loại;
- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận về tiêu chuẩn của yếu tố đặc thù.

## **4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đến, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và chủ trì tổ chức thẩm định hồ sơ phân loại đơn vị hành chính, chủ trì khảo sát để phục vụ việc thẩm định;

- Thời hạn Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp huyện là 15 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định.

## **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, Sở Nội vụ.

## **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nội vụ (Vụ Chính quyền địa phương).

- Thẩm quyền quyết định theo quy định: Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

## **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phân loại đơn vị hành chính cấp huyện.



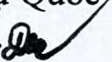




**8. Lệ phí:**

Không có.

**9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. 









## Mục 2 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

### I. THỦ TỤC PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

#### 1. Trình tự thực hiện :

- Bước 1: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, thông qua gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện. Đối với đơn vị hành chính cấp xã không tổ chức Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan chuyên môn lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp mình trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Bước 2: Phòng Nội vụ tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Nội vụ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã.

- Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đến, Giám đốc Sở Nội vụ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, chủ trì tổ chức thẩm định, chủ trì tổ chức khảo sát để phục vụ việc thẩm định. (Trường hợp cần thiết Sở Nội vụ thành lập Hội đồng thẩm định chung về phân loại ĐVHC cấp xã).

- Bước 5: Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định.

- Bước 6: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nội vụ.

#### 2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc qua đường bưu điện; gửi hồ sơ theo Văn bản điện tử về Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

#### 3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

##### 3.1. Đối với đơn vị hành chính cấp xã có tổ chức Hội đồng nhân dân

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã;
- Báo cáo thuyết minh đánh giá các tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính;
- Bảng thống kê số liệu tiêu chuẩn làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn;
- Bản đồ xác định vị trí đơn vị hành chính được phân loại;
- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận về tiêu chuẩn của yếu tố đặc thù.



### **3.2. Đối với đơn vị hành chính cấp xã không tổ chức Hội đồng nhân dân**

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Báo cáo thuyết minh đánh giá các tiêu chuẩn phân loại đơn vị hành chính;
- Bảng thống kê số liệu tiêu chuẩn làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn;
- Bản đồ xác định vị trí đơn vị hành chính được phân loại;
- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận về tiêu chuẩn của yếu tố đặc thù.

#### **4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đến, Giám đốc Sở Nội vụ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, chủ trì tổ chức thẩm định, chủ trì tổ chức khảo sát để phục vụ việc thẩm định.

- Thời hạn Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã là 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nội vụ.

#### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và phòng Nội vụ thuộc UBND cấp huyện.

#### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Thẩm quyền quyết định theo quy định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

#### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã.

#### **8. Lệ phí:**

Không có.

#### **9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. 